

SỞ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
BỆNH VIỆN ĐKKV BỒNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BV-KD
V/v yêu cầu báo giá Gói thầu mua sắm
VTYT, HCYT và SP bổ sung lần 2.

Hoài Nhơn, ngày tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-BV ngày 02/4/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn về việc phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật mua sắm vật tư y tế, hóa chất y tế và sinh phẩm chẩn đoán in vitro bổ sung lần 2 phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn sử dụng năm 2025 - 2026.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất y tế và sinh phẩm chẩn đoán in vitro bổ sung lần 2 thuộc Dự toán mua sắm vật tư y tế, hóa chất y tế và sinh phẩm chẩn đoán in vitro bổ sung lần 2 phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn sử dụng năm 2025 - 2026, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bà Nguyễn Thị Hậu Huỳnh, Nhân viên Bộ phận Văn thư, Bệnh viện ĐKKV Bồng Sơn.

Điện thoại: 02563.661.639

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại địa chỉ: **Phòng Văn thư - Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn (2699 Quang Trung, P. Bồng Sơn, TX. Hoài Nhơn, T. Bình Định)**

Ngoài bì cần ghi rõ: “Chào giá gói thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất y tế và sinh phẩm chẩn đoán in vitro bổ sung lần 2”, không mở trước 16 giờ 20 phút, ngày 14/4/2025.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 16 giờ 00 ngày 04 tháng 4 năm 2025 đến trước 16 giờ 00 ngày 14 tháng 4 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục Gói thầu mua sắm vật tư y tế, hóa chất y tế và sinh phẩm chẩn

đoán in vitro bổ sung lần 2, gồm 117 mặt hàng, cụ thể như sau:

TT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng bột bó	Chất liệu thạch cao. Kích thước: 7,5cm x 2,7m hoặc tương đương	Cuộn	670
2	Băng Cassette sử dụng cho máy hấp plasma	- Mô hình và phạm vi ứng dụng: 150 RFID Cho LK/MJG-150 - Thể tích H ₂ O ₂ cho mỗi viên nang: 3ml - Tải trọng cho mỗi Cassette:: Chu trình ngắn: 12 Chu trình tiêu chuẩn: 6 Chu trình nâng cao: 4 - Thành phần: 12 viên nang H ₂ O ₂ độc lập & vỏ nhựa	Hộp	10
3	Băng dính cố định gãy xương sườn	Sợi vải cotton đàn hồi, keo oxid kẽm không chứa dung môi có lớp bảo vệ. Kích thước: ≥ 8cm x 4,5m	Cuộn	100
4	Băng keo chỉ nhiệt (Băng chỉ thị màu)	Chất liệu là giấy chịu nhiệt, hiển thị nhiệt độ theo từng thang màu khác nhau. Mặt trên có các vạch mực in thay đổi màu sắc khi tiếp xúc với nhiệt độ và hơi nước trong một khoảng thời gian nhất định *Bề rộng ≥ 12mm, chiều dài của cuộn ≥ 50m	Cuộn	110
5	Băng keo chỉ thị cho hấp ướt	Chất liệu là giấy chịu nhiệt, hiển thị nhiệt độ theo từng thang màu sắc khác nhau. Mặt trên có các vạch mực in thay đổi màu sắc khi tiếp xúc với nhiệt độ và hơi nước trong một khoảng thời gian nhất định. Điều kiện điểm cuối: ≥ 10 phút ở 121 độ C và ≥ 2 phút ở 134 độ C. Không để lại vết chất dính trên bề mặt vật liệu sau khi bóc bỏ. Trên cuộn chỉ thị có thông tin: số lô, ngày hết hạn > Kích thước: 18mm x 50m ± 2%	Cuộn	210
6	Băng keo có gạc cố định kim luồn	Băng vải không dệt mềm phủ keo Acrylate. Có gạc thấm hút nhỏ che đầu kim luồn. - Không chứa thành phần từ gốc cao phân tử - Kích thước: 6cm x 8cm	Miếng	3.100
7	Bao cao su	Chất liệu từ nhựa cao su tự nhiên, tiết trùng	Cái	1.000
8	Bộ định danh IDS 14	Hệ thống định danh trực khuẩn Gram âm Bộ/ 20 test	Bộ	13
9	Bông ép sọ não	- Chất liệu 100% cotton. - Tốc độ hút nước ≤ 10 giây - Cân quang, vô trùng. - Kích thước: 2cm x 7cm x 4 lớp.	Cái	240
10	Bông y tế không hút nước	Chất liệu: 100% bông xơ tự nhiên nhưng sợi bông không có khả năng thấm nước. Bì 1kg.	Kg	130
11	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Polypropylene số 7/0, dài 60cm, 2 kim tròn đầu tròn dài 10mm, 3/8C.	Tép	48
12	Chỉ phẫu thuật không tan tổng hợp đơn sợi	Chỉ Polypropylene 10/0 đầu kim tròn dài 15cm, 3/8C.	Tép	12

TT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
13	Chỉ phẫu thuật tự tiêu sinh học đơn sợi (tan tự nhiên)	Chỉ Chromic Catgut số 1, dài 75cm, kim tròn 1/2c, dài 30mm. Kim thép 302 phủ silicon	Tép	192
14	Chỉ thép	Đường kính: $\geq 0,5\text{mm}$. Cuộn $\geq 5\text{m}$.	Cuộn	6
15	Chỉ thép khâu xương bánh chè	Chỉ thép số 7, dài 60cm, kim tam giác 120mm, 1/2C.	Tép	72
16	Clip kẹp mạch máu	Chất liệu: Titanium; Tương thích với kim kẹp clip cỡ 1,26mm - 1,42mm	Cái	660
17	Côn Gutta có vạch	- Côn dùng trám bít ống tủy, độ thuận 4% - Các cỡ 30, 35, 40, 45 - Tương thích sinh học với mô, thành ngà, không gây kích ứng - Kết dính với các vật liệu trám bít ống tủy (Resin, Bioceramic,...) vượt trội hơn - Cứng nhưng có thể uốn theo những chỗ cong của ống tủy. Dễ dàng đặt vào ống tủy - Lý tưởng để lèn ngang, lèn dọc và trong kỹ thuật lèn nhiệt, giúp trám bít ống tủy hoàn hảo theo 3 chiều - Độ cản quang cao hơn so với côn Gutta thông thường	Cây	480
18	Đài cao su đánh bóng	Chất liệu: đầu cao su, thân bằng thép không gỉ. Chiều dài: $\geq 2,5\text{cm}$	Cái	200
19	Đầu col xanh	Chất liệu: nhựa PP, Đầu côn được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet, thành trong không dính nước. Dung tích tối đa 1.000 μl	Cái	36.000
20	Dầu soi kính hiển vi	Thông số kỹ thuật: $n_D = 1.477 - 1.481$ (20°C); Bảo quản tại: Nhiệt độ phòng (15-30°C). Chai 100ml	Chai	10
21	Dầu xịt dụng cụ trước khi tiệt trùng	Dầu xịt dụng cụ trước khi tiệt trùng thành phần: dầu paraffinic trắng khoảng 2%, tổng nồng độ butane và propane khoảng 70%, có khả năng thẩm thấu trong nước, không gây kích ứng da người bệnh (chai 300ml dạng xịt)	Chai	10
22	Dây dẫn đường dùng trong niệu quản	Bao gồm: + Dây dẫn: 01 cái + Dụng cụ đẩy: 01 cái + Ống định vị dẫn đường: 01 cái + Kích thước của dây dẫn các cỡ: 0,032" - 0,035", dài 150cm. + Đầu thẳng, lõi Nitinol chống gấp khúc, đoạn đầu trên dài 65mm, chất liệu TPU, có phủ lớp hydrophilic. Phần đuôi dây dẫn là PTFE phủ vỏ vắn.	Bộ	5
23	Dây thở oxy	Dùng cho trẻ sơ sinh. Chất liệu nhựa y tế. Chiều dài: 2m; dây có 2 nhánh. Bì 1 cái, đã tiệt trùng.	Cái	370
24	Dây thở oxy	Dùng cho trẻ em. Chất liệu nhựa y tế. Chiều dài: 2m; dây có 2 nhánh. Bì 1 cái, đã tiệt trùng.	Cái	450
25	Dây thở oxy	Dùng cho người lớn. Chất liệu nhựa y tế. Chiều dài: 2m; dây có 2 nhánh. Bì 1 cái, đã tiệt trùng.	Sợi	6.300

TT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
26	Đề lưỡi	Chất liệu bằng gỗ, sản phẩm phẳng đều, không xước; chiều dài 15cm. Sản phẩm đã tiệt trùng.	Cái	35.200
27	Đĩa Kháng sinh Bacitracin	Đĩa giấy thực hiện thử nghiệm phát hiện nhạy cảm Bacitracin.	Đĩa	100
28	Đĩa kháng sinh Novobiocin 5µg	Đĩa giấy thực hiện thử nghiệm phát hiện đề kháng Novobiocin.	Đĩa	100
29	Dụng cụ cố định ống nội khí quản có chống cắn	Chất liệu thân thiện với da (latex free), và miếng dán hydrocolloid có độ pH giống như da, không gây kích ứng. Kích thước trong ID: 5-10mm.	Cái	100
30	Dụng cụ khâu sụn chêm tất cả bên trong	Bộ có tay cầm, Chi khâu 2-0 FiberWire® cung cấp khả năng khâu sụn chêm toàn bộ bằng nội soi khớp an toàn. có sẵn ở 4 góc được tối ưu hóa: đường cong lên 24°, đường cong lên 12°, đường cong đảo ngược 12° và thẳng.	Cái	10
31	Dung dịch Acid Alcohol	Thành phần: Acid Alcohol	ML	10.000
32	Dung dịch chuẩn máy	Là một calibrator đồng khô dựa trên huyết thanh người * Lọ ≥ 3ml.	Lọ	8
33	Dung dịch Glycerin	Thành phần: Glycerin	ML	25.000
34	Dung dịch phun khử khuẩn bề mặt và trang thiết bị	Thành phần: Didecyl dimethylammonium chloride 0,05% + Polyhexamethylene biguanide Chlorhydrate 0,06%. Chai 1.000ml.	Chai	30
35	Dung dịch tan gỉ (tẩy màng bám biofilm trên bề mặt kim loại)	Dùng để tẩy bỏ các vết bám bẩn hữu cơ, màng bám biofilm trên dụng cụ y tế bằng thép không gỉ, thủy tinh, croom, đồng và nhôm bao gồm xe đẩy, khay chứa.... Không ăn mòn, không gây hại cho dụng cụ. Chai ≥ 750ml	Chai	6
36	Dung dịch tan gỉ (Tẩy oxi hóa trên bề mặt kim loại)	Dùng để tẩy rửa, loại bỏ các vết ố, gỉ sắt, các mảng cặn bám lâu ngày hoặc những đốm đen xuất hiện trên dụng cụ y tế như: Panh, kéo, xe đẩy, khay chứa.... Không gây ăn mòn dụng cụ bằng thép không gỉ. Chai ≥ 750ml	Chai	6
37	Gạc lưới bảo vệ vết thương	Thành phần: Sợi không dệt polyester tẩm các phân tử Hydrocolloid (carboxymethyl cellulose) phân tán trong Vaseline (petroleum jelly). Kích thước: 5cm x 5cm.	Miếng	2.000
38	Gạc lưới bảo vệ vết thương	Thành phần: Sợi không dệt polyester tẩm các phân tử Hydrocolloid (carboxymethyl cellulose) phân tán trong Vaseline (petroleum jelly). Kích thước: 10cm x 10cm	Miếng	600
39	Gạc lưới bảo vệ vết thương	Thành phần: Sợi không dệt polyester tẩm các phân tử Hydrocolloid (carboxymethyl cellulose) phân tán trong Vaseline (petroleum jelly). Kích thước: 15 x 20 cm	Miếng	600

TT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
40	Gạc lưới bảo vệ vết thương	- Gạc lưới Lipido - Colloid công nghệ TLC. -Băng được cấu tạo bởi lớp lưới bạc làm từ các polyester tẩm hạt hydrocolloid (carboxymethylcellulose), vaseline, các polymer kết dính và muối bạc, co dẫn. -Không dính vết thương. - Kích thước 10cm x 12cm	Miếng	2.000
41	Gạc lưới bảo vệ vết thương	- Gạc lưới lipido-colloid, linh hoạt và có khả năng co giãn, mắt lưới nhỏ 0.5mm ² - Kích thước: 10 x 10cm.	Miếng	2.000
42	Gạc miếng Vaseline	Thành phần gồm: Vải lưới từ Polyester không thấm nước và dung dịch vaselin. Kích thước: 7cm x 40cm.	Miếng	1.100
43	Găng tay tiệt trùng	Găng tay chất liệu cao su thiên nhiên, chiều dài tối thiểu 280mm, không bột, tiệt trùng từng đôi. Các size: 6,5; 7; 7,5; 8	Đôi	163.000
44	Giấy in nhiệt	Kích thước: 57mm x 30m	Cuộn	200
45	Glucose	Bột tinh khiết	Kg	30
46	Hóa chất định lượng Bilirubin Direct	Bộ gồm: 3 x 44ml+1 x 22ml. Thành phần: R1 Sulphanilic Acid 28,87 mmol/l , HCL 23 mmol/l . R2 Sodium Nitrite 2,90 mmol/l	Bộ	10
47	Hóa chất định lượng Bilirubin Total	Bộ gồm: 3 x 44ml+1 x 22ml. Thành phần: R1 Sulphanilic Acid 28,87 mmol/l HCL 58,8 mmol/l Cetrimide 68,6 mmol/l. R2 Sodium Nitrite 2,90 mmol/l	Bộ	10
48	Hóa chất định lượng Cholinesterase SL	Bộ gồm: R1: 2x50ml; R2: 1x20ml R1: Tampone pH 7,7 117mmol/l; Esacianoferrato (III) 5mmol/l R2: Butiriltiocolina Ioduro 80mmol/l	Bộ	3
49	Hóa chất định lượng GOT/AST	Bộ gồm: 4lọ x 80ml + 1lọ x 80ml. Thành phần: REAGENT A: Tampone di Good 88 mmol/l; L- Aspartate 260 mmol/l; LDH >1500UI/l; MDH > 900UI/l REAGENT B: NADH 0.24 mmol/l; Alfa-Chetoglutarato 12mmol/l	Bộ	6
50	Hóa chất định lượng Triglyceride	* Thành phần: Good's buffer (pH 7,2) 50 mmol/l; 4-Chlorophenol 4 mmol/l; Mg 2+ 15 mmol/l; ATP 2 mmol/l; Glycerolkinase ≥ 0,4 KU/l; Peroxidase ≥ 2,0 KU/l; Lipoproteinlipase ≥ 2,0 KU/l; Glycerol-3-phosphate-Oxidase ≥ 0,5 KU/l; 4-Aminoantipyrine 0,5 mmol/l * Lọ 44ml.	Lọ	70

TT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
51	Hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm HbA1C	+ Normal A1c control: 0,25ml - Thành phần chính: máu người đã được sàng lọc loại bỏ kháng nguyên viêm gan B, HIV-1, HIV-2, kháng thể viêm gan C và giang mai. - Thành phần phụ: Kaki Xyanua +Abnormal A1c Control: 0,25ml - Thành phần chính: máu người đã được sàng lọc loại bỏ kháng nguyên viêm gan B, HIV-1, HIV-2, kháng thể viêm gan C và giang mai. - Thành phần phụ: Kaki Xyanua + Nước, natri azide 2 ml	Hộp	5
52	Keo quang trùng hợp	- Có thành phần nền là ethanol, ít bị bay hơi. - Có chứa nhiều monomer, độ che phủ cao. - Có tính ưa nước, tạo lực bám dính cao khi ngà hơi ẩm. - Có chứa các hạt độn nano, giúp gia tăng các đặc tính cơ học. - Có chứa Flour, ngừa sâu răng. - Độ kết dính cao, tương tự như các loại bonding 2 bước khác (optibond, single bond). - Độ hờ rìa thấp, tương tự single bond 2 (<83%). - Có độ ổn định với thời gian cao (không bị ê buốt, không bị đổi màu viền miềng trám và đường viền miềng trám không bị nứt). - Quy cách lọ 5 ml	Lọ	8
53	Khung cố định ngoài qua gối	Gồm 6 đỉnh Schanz + 1 khung. Khung gồm hai thanh ren dọc đường kính 8 mm, dài 33 cm, trên mỗi thanh có 6 khối chữ nhật để gắn với đỉnh cố định xương, trong đó khối chữ nhật cuối cùng có ren khớp với thanh ren nên dễ dàng kéo	Bộ	10
54	Kim cánh bướm	Thành phần: Kim: chất liệu thép không rỉ. Kim 23G có dây nối .	Cái	20
55	Kim châm cứu	Chất liệu kim loại. Số 4,5. Kích thước: 0,3mm x 45mm	Cái	8.000
56	Kim châm cứu	Chất liệu kim loại. Số 2 . Kích thước: 0,3mm x 20mm	Cái	5.000
57	Kim chọc xoang	Kim chọc xoang inox Kích Thước: 10-12cm	Cây	30
58	Kim gây tê nha khoa dài	* Chất liệu: Thép không gỉ * Nhiều size: Mỗi size có màu khác nhau để dễ dàng phân biệt * Chiều dài thân kim: 30mm. * Đầu kim vát nhọn, bén, phù hợp vùng gây tê, mềm, dễ uốn cong	Cây	3.500
59	Kim gây tê nha khoa ngắn	* Chất liệu: Thép không gỉ * Nhiều size: Mỗi size có màu khác nhau để dễ dàng phân biệt * Chiều dài thân kim: 21mm, * Đầu kim vát nhọn, bén, phù hợp vùng gây tê, mềm, dễ uốn cong	Cây	1.900

TT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
60	Kim lấy máu	Kim lấy máu được dùng cho các loại bút lấy máu cho máy đo đường huyết. Thân kim tròn, được tiệt trùng từng kim.	Cái	6.300
61	Lam kính	Chất liệu thủy tinh, hai đầu trơn. Kích thước: 25,4mm x 76,2mm. Độ dày: 1 – 1,2mm.	Cái	21.600
62	Lam kính	Chất liệu thủy tinh, 1 đầu nhám. Kích thước: 25,4mm x 76,2mm. Độ dày: 1 – 1,2mm.	Cái	1.440
63	Lamen	Kích thước: 22 x 22mm. Thủy tinh trong suốt	Hộp	80
64	Lọ đựng đờm	Chất liệu: 100% nhựa y tế nhựa PS Kích thước: thể tích lấy 30ml Đóng gói: 500 cái/thùng- tiệt trùng Dung tích: 30ml	Cái	600
65	Miếng dán điện cực tim	Nền xốp, hình tròn hoặc oval, nút điện cực bằng thép không gỉ, gel dính keo Acrylate. Dùng 1 lần	Cái	2.400
66	Môi trường BHI 20% glycerol	Đựng trong tube nhựa dùng để bảo quản và lưu trữ vi khuẩn trong điều kiện nhiệt độ âm. Thời gian bảo quản chủng vi khuẩn tùy thuộc vào ngưỡng nhiệt độ bảo quản -20 độ C (1 năm); -30 độ C (2 năm); -70 độ C (10 năm)	Tube	200
67	Môi trường EMB	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri, đường kính 90mm. Môi trường nuôi cấy chọn lọc phân biệt được dùng phân lập chọn lọc trực khuẩn Gram âm, dễ mọc.	Đĩa	240
68	Môi trường Nutrient Agar (NA 90mm)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri, đường kính 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn dễ mọc	Đĩa	1.200
69	Môi trường thạch Nutrient Broth	Thành phần: Yeast extract, Peptone, Sodium chloride Chai 500g	Chai	1
70	Mũi khoan dùng trong nha khoa	Mũi khoan trụ nhọn kích thước từ 10 - 18mm	Mũi	300
71	Mũi khoan tròn	- Mũi khoan tròn phần cổ có kim cương, đầu tròn, dùng cho tay khoan nhanh - Có đường kính từ 0.8mm - 1.8mm - Chiều dài 19mm - Quy cách: Vi 5 mũi	Mũi	200
72	Muối Natri Clorid	Dạng tinh khiết	Kg	100
73	Nẹp bóng chày	Thanh nẹp được làm bằng hợp kim nhôm, lót bên trong một lớp xốp mềm, dễ dàng uốn cong để giữ ngón tay ở đúng vị trí chức năng khi sử dụng. Có nhiều kích cỡ để lựa chọn sử dụng.	Cái	200

TT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
74	Nẹp nối ngang cổ định cột sống	Vật liệu: hợp kim Titanium. Nẹp nối ngang tương thích với đường kính nẹp dọc 5,5mm Chiều dài từ : 10mm - 75mm (0,375 inch - 2,95 inch). Kèm theo 02 ốc khóa trong để siết chặt vào thanh dọc đường kính 5,5mm.	Cái	20
75	Nhộng đặc	- Lực co rất thấp với công nghệ hạt độn nano - Tính ổn định cao và bền màu. - Màu sắc tự nhiên (A3) giống như răng thật - Quy cách: Nhộng 0.25g	Nhộng	500
76	Nhộng lỏng	- Sử dụng trám lót, trám bít hố rãnh, trám xoang nhỏ và thành bên các xoang II, xoang V - Độ chảy lỏng tốt - Độ cân quang cao - Trùng hợp trong vòng 10 giây - Màu A3 - Quy cách: Nhộng 0.25g	Nhộng	200
77	Nhuộm Giem sa	Thành phần: Bột Giemsa, Glycerol, Methanol.	ml	1.000
78	Ốc khóa trong cho vít cột sống ngực lưng	Vật liệu: hợp kim Titanium. Tự gây khi vặn đủ lực. Được thiết kế cánh ren tránh nhổ vít và trơn ren. Tổng chiều dài của vít khóa trong trước khi bẻ: 13,13mm. Đường kính: 8,883mm. Khoảng cách giữa 2 bước ren 1,0 mm. Chiều dài của phần vít khóa trong sau khi bẻ: 4,65mm. Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính 5,5mm	Cái	20
79	Ống chấn lười (Airway)	* Chất liệu: Bằng nhựa Polyethylen, không độc hại. * Các size số: 0, 1, 2, 3	Cái	390
80	Ống dẫn lưu màng phổi	Ống được làm bằng nhựa dùng trong y tế Kích thước các cỡ .	Cái	70
81	Ống hút rửa tai	Chất liệu bằng nhựa	Cái	3.000
82	Ống nghiệm thủy tinh	Kích thước: 12mm x 70mm Chất liệu: thủy tinh dùng trong y tế.	Cái	200
83	Ống nối dây máy thở	Co nối 22mm bên ngoài và 15mm bên trong	Cái	130
84	Ống nội khí quản không bóng	Chất liệu: Nhựa PVC, trong suốt, mềm mại. Số 2; 2,5; 3; 3,5	Cái	12
85	Ống thông tĩnh mạch trung tâm (Catheter)	2 nòng, dài 20cm, đường kính catheter 7Fr. Chất liệu: Polyurethan. Kim dẫn đường thẳng. Kim nong bằng nhựa. Dây kim loại dẫn đường đầu chữ J.	Cái	150
86	Ống thông chữ T	Chất liệu cao su tự nhiên, tráng silicone. Các cỡ	Cái	60
87	Ống thông dạ dày có nắp	Ống thông và đầu nối được làm từ nhựa y tế. Có nắp đậy. Tiệt trùng. Số 6; 8; 10; 12; 14; 16.	Cái	90

TT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
88	Ống thông dạ dày không nắp	Ống thông và đầu nối được làm từ nhựa y tế, không nắp đáy. Tiệt trùng. Số 6; 8; 10; 12; 14; 16 .	Cái	1.200
89	Ống thông Foley	Chất liệu cao su y tế, không gây dị ứng, độ mềm vừa phải dễ đặt, ống thông có 3 nhánh. Tiệt trùng. Các số: 16 -24.	Cái	170
90	Ống thông khí tai	Chất liệu: Nhựa y tế cao cấp . Đường kính bên trong 1.14mm . Đường kính vành bên trong: 2.30mm . Đường kính vành bên ngoài: 2.30mm . Chiều dài: 2.20mm . Loại có dây, tiệt trùng.	Cái	20
91	Ống thông Malekok	Chất liệu: cao su. Bề mặt nhẵn và đầu nhọn, tráng silicone, có sẵn lớp phủ ưa nước. Đầu ống thông có bốn cánh nhỏ. Các số	Cái	35
92	Quả bóp cao su đơn	Chất liệu: Cao su có tính đàn hồi tốt. Đường kính $\geq 60\text{mm}$	Cái	120
93	Que lấy bệnh phẩm vô trùng	* Que bằng gỗ dài tối thiểu 15cm, 1 đầu có quần bông (100% bông xơ tự nhiên) đã vô trùng, đựng trong ống nghiệm có nắp kín.	Bì	3.400
94	Sáp Parafin	Màu trắng, không mùi, không vị, có cấu trúc tinh thể tương đối được định rõ đặc điểm. Điểm nóng chảy 58-60 độ C. Bao/50 kg	Kg	100
95	Sò đánh bóng	Chất liệu: Prophylaxis Paste, chứa 1,23% Fluoride Ion, không chứa gluten.	Con	200
96	Test chẩn đoán HIV	Phát hiện các type kháng thể IgG, IgA,... đặc hiệu với HIV-1 và HIV-2 - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. - Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mab.	Test	16.800
97	Test chẩn đoán viêm gan B (HBsAg)	Xét nghiệm nhanh phát hiện Định tính kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương của người. HBsAg One Step Hepatitis B Surface Antigen Test Device (Serum/Plasma) được so sánh xét nghiệm HBsAg EIA, tỷ lệ kết quả phù hợp là 98,3% - Độ nhạy tương quan : 100% (98,0%-100%) - Độ đặc hiệu tương quan : 96,8% (92,6%-98,9%) - Độ chính xác : 98,3% (96,2%-99,4%) - Ngưỡng phát hiện 1 ng/mL - Đọc kết quả sau 15 phút - Dạng cassette - Giấy phép lưu hành BHYT phân loại D	Test	20.400
98	Thẻ định nhóm máu ABO tại giường	Thẻ có 3 ô: anti A, anti B và ô Blut (control) không chứa kháng thể nhưng chứa dung dịch đệm photphat. Kèm theo que lấy máu và trộn máu, foil dán bảo quản kết quả lâu dài lưu trữ trong bệnh án, tấm nhựa cài thẻ chống bay. - Độ nhạy: Anti A: 100%; Anti B: 100% - Độ đặc hiệu: Anti A: 100%; Anti B: 100%.	Test	4.400

TT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
99	Trâm nội nha	Chất liệu thép không gỉ, size 1, 2, 3, 4, 5, 6 dài 21mm	Cây	200
100	Trocar khớp loại I	Ống troca dẫn đường có ren xoắn trong suốt cho phép trực quan dụng cụ và chỉ khâu đi qua trong nội soi khớp. Có cổng bên được sử dụng cho dòng tưới dịch chảy ra. Kích cỡ gồm tối thiểu các cỡ 6mm và 8,25 mm	Cái	10
101	Trocar khớp loại II	Ống trocar nhựa tích hợp khoá. Thiết kế nhấn vào, vặn ra. Chất liệu polycarbonate, Latex-free. Đường kính từ ≤ 4.5 đến ≥ 8.5 mm, gồm tối thiểu 5 loại. Chiều dài từ ≤ 45 đến ≥ 90 mm, gồm tối thiểu 4 loại.	Cái	10
102	Túi chườm	Chất liệu nhựa dẻo, chịu được nước nóng 100 độ C. Dung tích 1,8 -2,0 lít.	Cái	10
103	Túi đo khối lượng máu sau sinh	Dung tích: 2 lít; Độ dày: 0,08mm, Dài: 1.050mm, Rộng: 700mm; Chất liệu HDPE nguyên chất, không thấm nước, không bị tác dụng bởi hầu hết các hóa chất. Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng chỉ thị màu. Tiệt trùng	Cái	2.400
104	Túi đựng máu	Túi: Thể tích 250ml có chứa 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 bảo quản hồng cầu trong vòng 35 ngày. Kim lấy máu kích thước 16G được tiệt trùng, không có chứa chất độc và chất gây sốt, có phủ silicone 2 lớp, siêu nhẵn.	Túi	80
105	Túi đựng nước tiểu	Chất liệu nhựa dùng trong y tế. Túi có dây treo. Trên túi có chia vạch. Dung tích: 2.000ml	Cái	9.000
106	Túi Oxy	Chất liệu nylon và cao su y tế. Thể tích: 42 lít	Cái	4
107	Túi Tyvek (Túi hấp tiệt trùng nổi Plasma)	Có chỉ thị hóa học. Túi dẹt, 350mm x 70m	Cuộn	4
108	Túi Tyvet (Túi hấp tiệt trùng nổi Plasma)	Có chỉ thị hóa học. Túi dẹt, 150mm x 70m	Cuộn	24
109	Vaseline	Chất liệu gel trong suốt, không màu, không mùi và không vị, không hòa tan	Lít	5
110	Vật liệu cầm máu	Chất liệu Hidroxylatexd Poly-Vinyl Acetate. Kích thước: dài 8cmx2cmx1,5cm. Tiệt trùng.	Miếng	700
111	Vật liệu trám bít ống tụy	Dạng bột, Lọ: ≥ 14 g	Lọ	6
112	Vít chỉ may chóp xoay loại III	Chất liệu neo PLLA tự tiêu hoặc tương đương, đã tiệt trùng, thân vít neo thiết kế hình nón. Kèm chỉ bền polyester số 2, có hoặc không kèm kim. Sử dụng trong phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay khớp vai. Đường kính gồm tối thiểu hai loại 4,5 và 6,5 mm	Cái	30

TT	Tên hàng hóa	Quy cách kỹ thuật/ đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
113	Vít chỉ nội soi cổ định sụn viền, thân uốn cong	Tùy chọn định vị thẳng hoặc cong Kích thước đầu neo 1,3mm	Cái	30
114	Vít chỉ nội soi tự tiêu	Vít tự tiêu, 96L/4D PLA Đường kính 5,0mm; dài 15,3mm	Cái	20
115	Vít cột sống đa trục	.- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Công nghệ cánh ren ngược - Vít có đường kính: 4,0 đến 8,5mm, chiều dài từ 20 - 70mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2,82mm - Chiều cao mũ vít 16,1mm - Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9,2mm - Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10,65mm - Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11,4mm - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5,5mm và vít khóa trong tự gây có chiều dài ban đầu là 13,13mm	Cái	80
116	Vít neo may chóp xoay loại VI	Vít chỉ neo khâu chóp xoay chất liệu BioComposite hoặc tương đương. Đường kính 4,75 mm, dài $\geq$ 19mm, kèm chỉ khâu có phân biệt màu sắc để quan sát trong kỹ thuật khâu chóp xoay một hàng hoặc hai hàng không thất nút.	Cái	30
117	Xanh Methylene blue	Dạng bột, lọ /25g	Lọ	5
Tổng cộng: 117 mặt hàng.				

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Giao hàng nhiều đợt theo đơn đặt hàng của Bên mua. Thời gian giao hàng chậm nhất là 72 giờ sau khi nhận được đơn hàng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không.

- Thời gian thanh toán: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Rất mong sự hợp tác của Quý Công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo BV;
- Trang TTĐT BV;
- Cổng thông tin Bộ Y tế (<https://chaogiattby.t.moh.gov.vn/>);
- Lưu: VT, KD.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phan Công Định

MẪU BÁO GIÁ

TÊN CÔNG TY:.....

Địa chỉ:

Điện thoại liên hệ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn

Theo Công văn yêu cầu báo giá số: /BV-KD ngày tháng năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Mã sản phẩm	Quy cách kỹ thuật/ Đóng gói	Hãng/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT, đồng)	Thành tiền (đồng)
1									
2									
...									
<i>Tổng cộng:</i>									

Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển đến đơn vị sử dụng.

Báo giá có hiệu lực:..... ngày, kể từ ngày.....

Chúng tôi cam kết: Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp. Giá trị của các mặt hàng nêu trong báo giá phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, báo giá. Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Điều kiện khác kèm báo giá (nếu có)

....., ngày...tháng...năm.....

Giám đốc hoặc người được ủy quyền
(Ký tên, đóng dấu)